

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 5-2021
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Quỳnh

Bà Đặng Thị Đới

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Thanh H, sinh năm 1997; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn Tam Kiệt, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 02 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Phan Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 02 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống tại thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phong cách sống không phù hợp dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi lẫn nhau làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung cũng như việc nuôi dạy và chăm sóc con cái. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị H và anh B không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2016. Trường hợp ly hôn chị H đề nghị được nuôi cháu P và đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H tự thỏa thuận với anh B, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H đề tự thỏa thuận với anh B, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh B vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Thanh H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Thanh H được ly hôn anh B. Về con chung, giao con là Nguyễn Thị Mai P cho chị H nuôi dưỡng; giao con là Nguyễn Minh Đ cho anh B nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H và anh B tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị H không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh B có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc chị Phan Thị Thanh H có đơn xin ly hôn nhưng anh B vắng mặt tại

phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn B là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa hai vợ chồng thường xuyên cãi mắng xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn nên chị H và anh B đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Kết quả xác minh tại chính quyền địa P và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B phù hợp với lời khai của chị H. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B, anh B không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2016. Trường hợp ly hôn chị H đề nghị được nuôi cháu Minh P vì cháu P là con gái nên cần được mẹ chăm sóc sẽ đảm bảo tốt sự phát triển cả về thể chất lẫn tâm sinh lý và đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ vì hiện nay cháu Đ đang do anh B trực tiếp nuôi dưỡng và cũng được chăm sóc tốt về mọi mặt. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị H có công việc và thu nhập ổn định, có đủ các điều kiện để có thể nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt; anh B không có mặt và không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Như vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H đề tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, anh B vắng mặt và chưa có lời khai về tài sản chung vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều

56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị Mai P sinh ngày 30 tháng 01 năm 2015 cho chị Phan Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Mai P đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12 tháng 06 năm 2016 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Minh Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0009079 ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Thanh H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T, huyện K ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang